

Bản án số: 1130/2019/DS-PT
Ngày: 28/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;
Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Trọng Long –
Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/11/2019, và ngày 28/11/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 481/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 481/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5060/2019/QĐPT-DS ngày 22/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9458/2019/QĐ-PT ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Bảo Đ**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1/179 khu phố 7, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* 1. Ông **Cái Hữu Hoàng H**, sinh năm 1982

2. Bà **Trương Thị Tố N**, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Số 37/3 khu phố 6, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Đức T, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: 3/127D ấp N, xã Thới Tam T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2019.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trần Thị Thu**, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1/179 khu phố 7, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Cái Hữu Hoàng H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, ông Trần Bảo Đ trình bày:**

Ông Trần Bảo Đ có quen ông **Cái Hữu Hoàng H** qua việc làm ăn chung, tháng 01/2018 ông H nói kết tiền để đặc cọc tiền mua đất nên hỏi ông Đ vay số tiền 700.000.000 đồng, ông Đ tin tưởng và cho ông H và vợ là bà **Trương Thị Tố N** vay số tiền: 700.000.000 đồng, hình thức vay tiền tín chấp (không ký giấy tờ), với lãi xuất hai bên thỏa T là 3%/tháng.

Đến ngày 02/07/2018, ông H và bà N cần tiền sửa chữa cải tạo quán nên nhờ ông Đ vay thêm, ông Đ đã cho ông H và bà N vay số tiền: 600.000.000 đồng, với lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng hình thức vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất.

Đối với số tiền vay 700.000.000 đồng ông và ông H không ký giấy tờ vì ông tin tưởng ông H đồng thời hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 6 tháng ông H cam kết sẽ trả lại cho ông Đ. Đến ngày 02/7/2018, ông H kết tiền nên tiếp tục đề nghị ông Đ cho vay thêm thỏa T miệng thời hạn vay là 6 tháng vì không có tiền nên ông Đ phải mượn người thân do đó người thân ông Đ buộc ông Đ phải yêu cầu ông H ghi giấy vay tiền và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H.

Do đó tổng số tiền 02 lần hai vợ chồng ông H, bà N đã nhận của ông Đ là 1.300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ trình bày: Ông đã nhận tiền lãi của 02 khoản tiền trên như sau:

Từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018 mỗi tháng nhận 21.000.000 đồng/ tháng là $7 \times 21.000.000 = 147.000.000$ đồng, từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018 nhận 50.000.000 đồng/tháng $\times 3 = 150.000.000$ đồng. Tổng cộng là 297.000.000 đồng.

Ông không nhớ được ngày nhận nợ lãi nên ông tự xác nhận lãi vào ngày cuối tháng.

Nay ông yêu cầu ông H và bà N phải trả cho ông và vợ ông là bà **Trần Thị T** số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N trình bày:**

Tại bản tường trình ngày 10/6/2019 có nội dung: Ông H và bà N có vay nợ của ông Đ tháng 01/2017 số tiền 700.000.000 đồng lãi suất 5% /tháng và ngày 02/7/2018 có vay 600.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Ông H và bà N đồng ý trả khoản tiền vay 1.300.000.000 đồng, trả hàng tháng mỗi tháng 30.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 17/6/2019 ông H và bà N giữ nguyên ý kiến về số tiền vay và đồng ý trả cho ông Đ số tiền 1.300.000.000 đồng tiền lãi bằng phương thức trả góp hàng tháng mỗi tháng 30.000.000 đồng.

Tại bản tường trình ngày 03/7/2019 ông H và bà N trình bày: Khoảng năm 2016 – 2017 ông có vay mượn tiền của ông Đ nhiều lần khoảng 1,5 tỷ đồng với lãi suất 5%, 10%, 15% /tháng, đến tháng 01/2017 ông đã trả nợ vay và còn nợ vốn số tiền 700.000.000 đồng, đến tháng 01/2018 đã trả dứt nợ vốn và nợ lại tiền lãi là 700.000.000 đồng, đến ngày 02/7/2018 ông H chỉ còn nợ ông Đ là 600.000.000 đồng (thực tế là hợp thức hóa số tiền lãi vay 600.000.000 đồng ông H còn nợ ông Đ) Đến ngày 30/12/2018 ông H đã trả ông Đ 100.000.000 đồng nên hiện nay ông H còn nợ ông Đ 500.000.000 đồng là tiền lãi.

Ông H lý giải nguyên nhân khai nợ ông Đ 1,3 tỷ tại Công an huyện Hóc Môn và tại Tòa án là vì ông Đ đang thiếu nợ nên ông Đ nhờ ông H xác nhận là đã thiếu nợ ông Đ 1,3 tỷ để ông Đ gia hạn nợ với người khác, còn thực tế ông H chỉ trả cho ông Đ 500.000.000 đồng tiền lãi. Những vấn đề ông trình bày không có giấy tờ gì thể hiện sự việc trên.

Ông H đề nghị quý Tòa thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N để trả lại ông H.

Tại thời điểm nộp văn bản cho Tòa Án ông H đã trình bày ông hoàn toàn không có thêm tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp. Ngoài ra quá trình thu thập chứng cứ tại Đội điều tra tổng hợp Công an huyện Hóc Môn thể hiện:

Ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N đã viết đơn cam kết ngày 23/5/2019 và thể hiện ý kiến trong biên bản ghi lời khai như sau: Ông H và bà N có mượn của ông Đ tổng cộng số tiền 1.300.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, ông H và bà N đã trả tiền lãi được vài tháng nhưng do không còn khả năng trả nữa nên thương lượng ông Đ trả gốc nhưng ông Đ không đồng ý. Nay xin trả chậm tiền gốc 1.300.000.000 đồng cho ông Đ, trả vào ngày 10 tây hàng tháng số tiền là 30.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông H và bà N trình bày tại bản tự khai ngày 17/6/2019 thống nhất với tất cả ý kiến của bị đơn xác định bị đơn có vay nợ của ông Đ tháng 01/2017 số tiền 700.000.000 đồng lãi suất 5% /tháng và ngày 02/7/2018 có vay 600.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Ông H và bà N đồng ý trả khoản tiền vay 1.300.000.000 đồng, trả hàng tháng mỗi tháng 30.000.000 đồng.

Ngày 03/7/2019 ông T có bản tường trình: Ông H và bà N không thừa nhận khoản nợ vay 700.000.000 đồng và đề nghị ông Đ cung cấp chứng cứ của khoản tiền vay 700.000.000 đồng. Ông Đ phải cung cấp chứng cứ của việc vay số tiền 600.000.000 đồng, nếu không có chứng cứ thì đó là tiền lãi ông H đã nợ ông Đ. Do quá trình từ ngày 02/7/2018 đến tháng 12/2018 ông H đã trả cho ông Đ 100.000.000 đồng nên chỉ còn nợ ông Đ với số tiền lãi là (600 triệu -100

triệu) là 500 triệu đồng và mong quý Tòa xem xét được trả mỗi tháng là 30 triệu đồng cho đến khi trả hết 500 triệu đồng tiền nợ lãi.

*** *Tại bản án số 481/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ngày 11/01/2019.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Bảo Đ. Buộc ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N phải trả cho ông Trần Bảo Đ và bà Trần Thị T số tiền gốc còn nợ là 1.300.000.000 đồng. Cấn trừ số tiền lãi ông Đ đã nhận chênh lệch là 93.310.000 đồng, ông H và bà N phải trả số tiền gốc còn lại là 1.149.696.000 đồng. Ông H và bà N phải trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 235.706.841 đồng. Tổng cộng là 1.385.402.841 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ ông Trần Bảo Đ phải trả lại ông H và bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 392938 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00193 do UBND huyện Hóc Môn cấp cho ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N ngày 06/6/2016.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N phải chịu là 53.562.085 đồng.

Hoàn lại cho ông Trần Bảo Đ và bà Trần Thị Thu số tiền 30.225.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004050 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn do ông Đ nộp.

Thi Hnh tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 06/9/2019, bị đơn ông Cái Hữu Hoàng H nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn là ông Trần Bảo Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu là vợ ông Đ cùng bị đơn là ông Cái Hữu Hoàng H, bà Trương Thị Tố N có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Đ T đã thỏa T với nhau về nội dung giải quyết vụ án, cụ thể: Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 1.300.000.000 đồng, phương thức thanh toán: trả làm một lần bằng tiền mặt sau 60 ngày kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật, các bên giao nhận tại Cơ quan thi Hành án có thẩm quyền.

Ngay sau khi bị đơn ông H, bà N thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ thì ông Đ, bà Thu phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 392938 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00193 do UBND huyện Hóc Môn cấp cho ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N ngày 06/6/2016.

Nếu bị đơn không thực hiện, nguyên đơn có quyền yêu cầu thi Hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét những người tiến Hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị: Do tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Cái Hữu Hoàng H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Trần Thị T.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Trần Bảo Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T là vợ ông Đ cùng bị đơn là ông Cái Hữu Hoàng H, bà Trương Thị Tố N có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Đức T đã thỏa thuận với nhau về nội dung giải quyết vụ án. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự khác.

[3.2] Về án phí:

[3.2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm là 51.000.000 đồng (tính trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn). Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu một nửa theo quy định pháp luật.

[3.2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa T được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo vẫn phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 293; Điều 296; Điều 306, Khoản 2 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Cái Hữu Hoàng H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 481/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Công nhận thỏa thuận giữa nguyên đơn là ông Trần Bảo Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T là vợ ông Đ cùng bị đơn là ông Cái Hữu Hoàng H, bà Trương Thị Tố N có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Đức T đã thỏa thuận với nhau về nội dung giải quyết vụ án, cụ thể: Bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 1.300.000.000 đồng, phương thức thanh toán: trả làm một lần bằng tiền mặt sau 60 ngày kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật, các bên giao nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Ngay sau khi bị đơn ông H, bà N thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ thì ông Đ, bà T phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 392938 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00193 do UBND huyện Hóc Môn cấp cho ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N ngày 06/6/2016. Nếu bị đơn không thực hiện, nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Bảo Đ, bà Trần Thị T phải chịu số tiền tạm ứng án phí là 25.500.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.225.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004050 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn do ông Đ nộp. Hoàn lại cho ông Đ, bà Thu số tiền 4.725.000 đồng.

Ông Cái Hữu Hoàng H và bà Trương Thị Tố N phải chịu là 25.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cái Hữu Hoàng H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004909 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày bản quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm (đi vào) trỏ về hợp chất của thi hành án hoặc kể từ ngày chấp hành thi hành án của người chấp hành thi hành án (trở về hợp chất thi hành án theo chấp hành) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bắt phải thi hành các khoản tiền chi trả khoản tiền lãi của số tiền chấp hành thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hiền